TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2026/ TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Sùng Mí T, sinh năm 1988

Căn cước công dân số: 002088010594, cấp ngày 25/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C1.

Nơi ĐKTT: Thôn L, xã L, Tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị Mua Thị C, sinh năm 1989

Căn cước số: 002189006934, cấp ngày 25/6/2026, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C1.

Nơi ĐKTT: Thôn L, xã L, Tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Sùng Mí T và chị Mua Thị C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Sùng Mí T và chị Mua Thị C nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Sùng Mí T và chị Mua Thị C xác nhận có 03 con chung là cháu cháu Sùng Xuân Đ, sinh ngày 11/01/2010, cháu Sùng Xuân G, sinh ngày 12/6/2012 và cháu Sùng Thị Minh H, sinh ngày 14/4/2018. Sau khi ly hôn, anh Sùng Mí T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba

cháu, cho đến khi cháu Đ, cháu G, cháu H đủ 18 tuổi. Chị Mua Thị C không phải cập dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh Sùng Mí T và chị Mua Thị C không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Sùng Mí T nhất trí chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Sùng Mí T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001543 ngày 25/11/2025. Trả lại cho anh Sùng Mí T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí chênh lệch. Chị Mua Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 7;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Lùng Tám;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Đình Vĩ